

Bản án số: 118/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2026

Về việc: “*ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Thông;

+ Bà Trần Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2025 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố Đ. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Đinh Thế M, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn D, xã T, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Tôi và ông Đinh Thế M kết hôn vào ngày 11/12/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk (*nay là UBND xã Hòa Sơn, tỉnh Đắk Lắk*). Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, ông M nhiều lần nhậu nhẹt về say xỉn chửi mắng và dùng bạo lực với tôi. Mặc dù tôi đã tha thứ và cố gắng khuyên nhủ chồng lo làm ăn nhưng ông M vẫn không thay đổi khiến cho mâu thuẫn ngày trầm trọng. Tôi và ông M hiện tại đã ly thân, cả hai không còn liên hệ hay

có trách nhiệm với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đinh Thế M.

* *Về con chung*: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Đinh Nguyễn Văn A, sinh ngày 30/11/2016. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tôi không yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh M vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đinh Thế M; Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Văn Anh cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị S không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị S và anh Đinh Thế M tranh chấp ly hôn và nghĩa vụ nuôi con chung khi ly hôn. Hiện nay, anh M có hộ khẩu thường trú tại xã T, thành phố Đ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Bị đơn anh Đinh Thế M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các phiên hoà giải và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Đinh Thế M kết hôn vào ngày 11/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã Hòa Sơn, tỉnh Đắk Lắk) hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị S, anh M thì thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị S và anh M phát sinh mâu thuẫn, theo chị S trình bày, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, anh M thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng và đánh đập chị. Mặc dù chị S đã nhiều lần tha thứ và cố gắng khuyên nhủ chồng nhưng anh M vẫn không thay đổi khiến cho mâu thuẫn ngày trầm trọng. Hiện nay chị S và anh M đã ly thân, cả hai không còn liên hệ với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy, anh M không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, hiện nay hai người đã sống ly thân cũng đủ cho thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa chị S và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho cho chị S được ly hôn với anh Đinh Thế M.

[2.2]. Về con chung: Chị S và anh M có 01 con chung là cháu Đinh Nguyễn Văn A, sinh ngày 30/11/2016. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị S là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị S không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, tại đơn đề đạt nguyện vọng cháu Đinh Nguyễn Văn A có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Anh đang có cuộc sống ổn định cùng với mẹ và được chị S chăm sóc, giáo dục chu đáo, đảm bảo phát triển về mọi mặt.

Mặt khác, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng anh M không đến Tòa để trình bày nguyện vọng nuôi con của mình. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao cháu Đinh Nguyễn Văn Anh cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị S không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn anh Đinh Thế M.

[1.1]. - Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đinh Thế M.

[1.2]. Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Văn A, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị S không yêu cầu anh Đinh Thế M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004786 ngày 31/10/2025 của Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị S đã nộp đủ án phí DS-ST

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng (KV5);
- UBND xã Hoà Sơn, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Ân